TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 30-9-2019
"V/v: Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hồng Hải
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền
Ông Hồ Đức Quang

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Hạnh – Thư ký TAND tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Bà Dương Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tuyên án ngày 30/9/2019, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đưa ra xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLPTHNGĐ ngày 17-7-2019, về việc "Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tôn Mỹ O**; cư trú tại tổ dân phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- Bị đơn: Anh **Lê Thanh N**; cư trú tại tổ dân phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Hà (Bộ Công an), vắng mặt khi tuyên án,

- *Những người tham gia tố tụng khác:*

+ UBND huyện V, tỉnh Hà Tĩnh: Ông Trần Văn Đ, chức vụ: Trưởng Phòng Tư pháp, vắng mặt khi tuyên án;

+ Bà Phạm Thị A là mẹ đẻ của anh Lê Thanh N, địa chỉ: tổ dân phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 12 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Tôn Mỹ O trình bày như sau:

Chị Oanh và anh Lê Thanh N kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 21 tháng 3 năm 2014. Quá trình chung sống, vợ chồng có con chung là Lê Tôn Ngọc Q, sinh ngày 09/5/2015 và Lê Minh Q, sinh ngày 30/3/2017. Đến đầu năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài đến tháng

8/2018 thì sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh N hay rượu chè, cờ bạc, không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Sự việc đã được gia đình hai bên cũng như chính quyền hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị O nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì để xây dựng hạnh phúc gia đình nên đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Thanh N.

Về quan hệ con cái: Chị O có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lê Tôn Ngọc Q và Lê Minh Q mà không yêu cầu anh Lê Thanh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 thửa đất tại tổ dân phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh và 01 ngôi nhà quán nằm trên thửa đất nói trên có nguồn gốc là bố mẹ chồng cho ở riêng. Chị O có nguyện vọng được sử dụng toàn bộ tài sản chung vợ chồng nói trên và chị giao lại cho anh N số tiền là 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng với lý do chị còn phải nuôi hai con nhỏ nên phải được chia tài sản phần nhiều hơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị O đề nghị HĐXXPT chấp nhận nội dung kháng cáo của chị, buộc anh N giao lại nhà quán và đất cho chị, chị sẽ thanh toán bằng tiền phần giá trị tài sản tương ứng với kỷ phần anh N được nhận.

Bị đơn anh Lê Thanh N trình bày tại các bản khai như sau:

Anh N thừa nhận về xác lập quan hệ hôn nhân, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn đúng như trình bày của chị O và đồng ý ly hôn với chị O.

Về quan hệ con cái: Anh N đồng ý để cho chị Tôn Mỹ O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con và anh không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo nguyện vọng của chị O.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh N thừa nhận lời trình bày của chị O về số tài sản chung cũng như nguồn gốc hình thành là đúng sự thật. Tuy nhiên, anh không đồng ý giao toàn bộ tài sản chung vợ chồng cho chị O và nhận một phần giá trị tài sản chung là 250.000.000đ đến 300.000.000 đồng mà có nguyện vọng được Tòa án giao toàn bộ tài sản chung vợ chồng cho anh sử dụng, anh sẽ trả phần giá trị tài sản chung vợ chồng mà chị O được hưởng là 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng; còn nếu chị O muốn sở hữu tài sản thì phải giao lại cho anh 500.000.000 đồng. Trường hợp Tòa án không chấp nhận thì anh đồng ý chia đôi tài sản chung của vợ chồng theo hiện vật.

Ngoài ra, anh Lê Thanh N khai cá nhân anh có vay nợ của anh Nguyễn Phú Q số tiền 1.150.000.000 đồng và lúc đầu anh Q có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh N trả nợ số tiền vay nói trên nhưng sau đó anh Q đã rút đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng anh Lê Thanh N và chị Tôn Mỹ O đều xin Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí chia tài sản chung vợ chồng với lý do hoàn cảnh gia đình thuộc diện hộ nghèo năm 2019.

Với nội dung trên, tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 11-6-2019 của TAND huyện V, tỉnh Hà Tĩnh đã áp

dụng Điều 33, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điểm c Khoản 2 Điều 62, Điều 81, Điều 82 và Điều 83của Luật hôn nhân gia đình; Điều 213 và 219 của Bộ luật dân sự; Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14, Khoản 6 Điều 15, Điều 24, Điều 26 và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tôn Mỹ O ly hôn anh Lê Thanh N

- Về quan hệ con chung: Giao con chung của vợ chồng là Lê Tôn Ngọc Q, sinh ngày 09/5/2015 và Lê Minh Q, sinh ngày 30/3/2017 cho chị Tôn Mỹ O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Về tài sản chung vợ chồng:

+ Giao cho anh Lê Thanh N quyền sử dụng ½ (một nữa) diện tích thửa đất số 342, tờ bản đồ 33 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BU 955055 ngày 10/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện V ở tổ dân phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh có ranh giới như sau: Phía Đông Nam giáp đường tỉnh lộ 5 dài 3,5m; phía Đông Bắc giáp đất ông Lê Thanh B dài 25m; phía Tây Bắc giáp đất ông Lê Thanh B dài 3,5m; phía Tây Nam giáp phần đất còn lại của thửa đất nói trên dài 25m có tổng diện tích là 87,5m^2. Giao cho anh Lê Thanh N quyền sở hữu toàn bộ phần ngôi nhà quán (bao gồm phần nấu bếp củi, phần nấu bếp ga, phần phòng ngủ) và phần mái che nằm trên phần đất giao cho anh N nói trên.

+ Giao cho chị Tôn Mỹ O quyền sử dụng ½ (một nữa) diện tích thửa đất số 342, tờ bản đồ 33 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BU 955055 ngày 10/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện V ở tổ dân phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh có ranh giới như sau: Phía Đông Nam giáp đường tỉnh lộ 5 dài 3,5m; phía Tây Nam giáp đất ông Nguyễn Quốc A dài 25m; phía Tây Bắc giáp đất ông Lê Thanh B dài 3,5m; phía Đông Bắc giáp phần đất giao cho anh Lê Thanh N nói trên dài 25m có tổng diện tích 87,5m^2. Giao cho chị Tôn Mỹ O quyền sở hữu toàn bộ phần ngôi nhà quán (bao gồm phần nhà tắm, phần phòng ngủ) và phần mái che nằm trên phần đất giao cho chị O nói trên.

(Ranh giới phần đất, phần ngôi nhà quán, phần mái che nhà quán được giao quyền sử dụng, quyền sở hữu nói trên có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BU 955055 ngày 10/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện V và sơ đồ đo vẽ kèm theo là một phần không tách rời của bản án)

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/6/2019, chị Tôn Mỹ O kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung của vợ chồng theo hướng cho chị O được sử dụng nhà và đất, chị O có trách nhiệm thanh toán từ 250.000.000

đồng đến 300.000.000 đồng tương đương phần giá trị tài sản anh N được hưởng bằng tiền.

Ngày 24/6/2019, tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/2019/QĐKNPT-VKS-DS, Viện kiểm sát nhân dân huyện V kháng nghị phúc thẩm đối với bản án HNGĐST số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 11-6-2019 của TAND huyện V về phần phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn do phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm về phân chia tài sản chung của vợ chồng anh N, chị O là không phù hợp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự, gây khó khăn cho công tác thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị O vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị, anh N giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Đại diện UBND huyện V khẳng định thủ tục cấp Giấy CNQSD đất cho hộ anh Lê Thanh N, chị Tôn Mỹ O là đúng quy định của pháp luật, về hạn mức đất ở được cấp cho các hộ gia đình, cá nhân tại địa phương đã được Viện kiểm sát xác minh làm rõ và Ủy ban nhân dân huyện V đã trả lời cụ thể. Đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Tôn Mỹ O, chấp nhận nội dung kháng nghị của VKSND huyện V, tỉnh Hà Tĩnh, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tôn Mỹ O, xử cho chị O và anh N ly hôn, giao hai con chung cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: giao tài sản chung là ngôi nhà (quán) và thửa đất đang đứng tên trong Giấy CNQSD đất là chị Tôn Mỹ O và anh Lê Thanh N tại tổ dân phố 4, thị trấn V cho chị O sử dụng; chị O phải trả lại phần giá trị tài sản chênh lệch cho anh N với số tiền tương ứng ½ tổng giá trị tài sản chung của hai vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nội dung chị Tôn Mỹ O khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Thanh N là quan hệ pháp luật "Ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Tĩnh quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện V đã lấy lời khai, tổ chức phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là thực hiện đúng quy định tại Điều 98, 101, 104 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án Hôn nhân gia đình của Tòa án nhân dân huyện V có kháng cáo và bị kháng nghị về phần phân chia tài sản chung của vợ chồng. Do đó, các quan hệ khác có liên quan trong cùng vụ án hôn nhân gia đình

là quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N và chị O đều thừa nhận và yêu cầu Tòa án xem xét phân chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 342, tờ bản đồ 33, diện tích 175.0 m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 955055 ngày 10/6/2014 cho anh Lê Thanh N và chị Tôn Mỹ O, cụ thể: phía Đông Bắc giáp đất ông Lê Thanh B dài 25m; phía Đông Nam giáp đường tỉnh lộ 5 dài 7m; phía Tây Bắc giáp đất ông Lê Thanh B dài 7m; phía Tây Nam giáp đất ông Nguyễn Quốc A dài 25m (thửa đất thể hiện trên sơ đồ từ điểm 3 đến điểm 4 dài 7m; từ điểm 4 đến điểm 6 dài 25m; từ điểm 6 đến điểm 1 dài 7m; từ điểm 1 đến điểm 3 dài 25m) (BL 11, 74, 75,76, 77, 78). Căn cứ kết quả định giá tài sản do Hội đồng định giá kết luận thì trị giá thửa đất là 595.000.000 đ (năm trăm chín mươi lăm triệu đồng) (BL 79, 80). Đối với tài sản trên đất là 01 ngôi nhà quán cấp bốn gồm các hạng mục: nền nhà (móng), cột trụ, mái lợp tôn, cửa phòng ngủ, nhà tắm, mái che cột thép, cổng, kệ bếp có tổng trị giá: 107.611.872 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N, chị O vẫn không thoản thuận được các nội dung về phân chia tài sản chung của vợ chồng. Ngoài hai phần tài sản trên, chị O và anh N không đề nghị xem xét tài sản chung nào khác cũng như các khoản nợ chung và chung nợ. Do đó, cấp phúc thẩm sẽ xem xét, đánh giá và phân chia tài sản chung của anh N, chị O đối với phần tài sản chung là đất và tài sản trên đất như đã nêu trên.

[2.1] Về thửa đất số 342, tờ bản đồ 33, diện tích 175.0 m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 955055 ngày 10/6/2014 cho anh Lê Thanh N và chị Tôn Mỹ O. Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện V tiến hành thấy rằng, thửa đất có tổng diện tích 175m^2 với chiều ngang và dọc thửa đất là 7m và 25m. Bản án sơ thẩm đã phân chia thửa đất theo hướng chia đôi: anh N, chị O mỗi người được sử dụng 85,5m^2 có chiều dài và rộng là 3,5m và 25m. Căn cứ Điều 8 Quyết định 72/2014/QĐ-UBND ngày 24/10/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về hạn mức diện tích tối thiểu của thửa đất ở sau khi tách thửa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đối với khu vực đô thị là 40m^2 trong đó kích thước tối thiểu của cạnh bám mặt đường là 4m. Như vậy, nếu chia đôi thửa đất theo phán quyết của bản án sơ thẩm thì hai phần đất chị O, anh N được chia đều không đủ điều kiện để được cấp Giấy CNQSD đất theo quy định tại Điều 19, 29 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Trên cơ sở kết quả xác minh của Viện kiểm sát nhân dân huyện V và quan điểm của UBND huyện V tại phiên tòa phúc thẩm thấy rằng việc chia đôi thửa đất như bản án sơ thẩm là không phù hợp và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là có căn cứ để chấp nhận.

Mặt khác, xét tài sản chung của vợ chồng là toàn bộ phần đất, tài sản trên đất thấy rằng, trên tổng diện tích 175m^2 thì hạng mục các công trình được phân bổ đều và hợp thành một thể thống nhất. Cụ thể, hướng Tây Nam có công trình phòng ngủ, nhà vệ sinh, hướng Đông Bắc là khu vực nhà bếp và toàn bộ ngôi nhà là phần mái che kéo dài từ Đông Nam đến Tây Bắc. Nếu chia đôi thửa đất theo phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm thì các hạng mục tài sản trên đất sẽ phải tháo dỡ toàn bộ và không đảm bảo kết cấu để sử dụng. Nhận định như nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V là có cơ sở.

Từ những vấn đề trên cấp phúc thẩm thấy rằng, bản án sơ thẩm chia đôi thửa đất là không phù hợp với thực tế và không đảm bảo kết cấu, giá trị sử dụng của công trình. Do đó, chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V và kháng cáo của chị Tôn Mỹ O, sửa bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn.

[2.2] Về chia tài sản chung của vợ chồng:

Xét tài sản chung của vợ chồng có thửa đất và ngôi nhà quán. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đương sự không thỏa thuận được và đều có nguyện vọng được sử dụng toàn bộ tài sản chung và phụ chia bằng tiền cho bên không được giao. Qua xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng, cả anh N và chị O đều thừa nhận nguồn gốc tài sản chung vợ chồng là của bố mẹ anh Nhàn tặng cho. Tuy nhiên, thửa đất đã được cấp Giấy CNQSD đất và đứng tên hai vợ chồng chị O, anh N. Do đó, việc cấp sơ thẩm nhận định thửa đất và nhà quán là tài sản chung của vợ chồng anh N, chị O và xem xét, nhận định để phân chia trong vụ án ly hôn là đúng pháp luật.

Xem xét về điều kiện, hoàn cảnh hiện tại, gia đình anh N, chị O thuộc diện hộ nghèo của thị trấn. Anh N hiện đang chấp hành hình phạt tù. Chị Oanh cũng chưa có nghề nghiệp ổn định và còn phải nuôi hai con nhỏ. Tại phiên tòa, chị O khẳng định hiện chưa có chỗ ở nào khác, nguyện vọng được Tòa án giao nhà và đất để ba mẹ con ổn định cuộc sống, anh N hiện không thể chu cấp được cho hai con nên một mình chị phải cáng đáng chi phí học hành, lo cho các con ăn học. Cấp phúc thẩm thấy rằng, việc phân chia tài sản chung của vợ chồng ngoài việc xem xét điều kiện của hai bên còn cần phải đặc biệt quan tâm đến việc bảo đảm tốt nhất cuộc sống cho các con. Hai con chung của vợ chồng là cháu Lê Tôn Ngọc Q và Lê Minh Q còn nhỏ, cần có chỗ ở ổn định để được học hành. Nếu giao nhà quán và đất cho anh N thì ba mẹ con phải thuê nhà trọ để ở, sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của hai con. Do đó, đề nghị của chị O là chính đáng nên cấp phúc thẩm chấp nhận, giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là nhà quán và đất cho chị O trực tiếp sử dụng.

Căn cứ kết quả định giá tài sản do Hội đồng định giá kết luận thì trị giá thửa đất là 595.000.000 đồng, tài sản trên đất là 01 ngôi nhà quán cấp bốn gồm nhiều hạng mục trị giá: 107.611.872 đồng, tổng trị giá tài sản chung là 702.611.872 đồng. Chia đôi giá trị tài sản chung mỗi người được nhận 351.305.936 đồng. Tuy nhiên, đối với kỷ phần tài sản anh N được nhận lại bằng tiền, cấp phúc thẩm thấy rằng, hiện nay anh N đang chấp hành án phạt tù, không

có thu nhập, còn nhiều khoản nợ riêng; thửa đất hiện nay vợ chồng đang sinh sống có nguồn gốc được bố mẹ anh N tặng cho. Do đó, cần tăng giá trị đối với kỷ phần anh N được nhận bằng tiền là 400.000.000 đồng là phù hợp. Chị O có trách nhiệm trả lại cho anh N phần trị giá tài sản tương đương với kỷ phần anh N được hưởng là 400.000.000 đồng.

Nội dung kháng nghị của VKSND huyện V còn cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án, chị O chỉ có một nguyện vọng là được giao lại toàn bộ tài sản chung, chị không yêu cầu chia đôi tài sản như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Cấp phúc thẩm thấy rằng, xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thì chị O không đưa ra đề nghị được chia đôi tài sản chung của vợ chồng bằng hiện vật. Do đó, nội dung kháng nghị của VKS là có cơ sở. Vấn đề này, cấp sơ thẩm cần nghiêm khắc rút kinh nghiệm trong việc phản án đúng thực tế yêu cầu của đương sự tại phiên tòa cũng như nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp phúc thẩm nhận được đơn khiếu nại của bà Phạm Thị A là mẹ của anh Lê Thanh N (đơn đề ngày 06/6/2019, bản poto). Bà A cho rằng thửa đất đứng tên anh N, chị O có nguồn gốc đất là của bà cho con trai và tiền làm nhà quán là do bà đi vay nợ cho con trai để làm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét để đảm bảo quyền lợi cho bà. Cấp phúc thẩm thấy rằng, trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm anh N, chị O không đề cập đến nội dung trong đơn bà khiếu nại. Do đó, bà có thể khởi kiện bằng một vụ án khác để được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung kháng nghị của VKSND huyện V và kháng cáo của chị Tôn Mỹ O có căn cứ nên chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung của vợ chồng.

[7] Về án phí: Chị Tôn Mỹ O không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận nội dung kháng nghị của VKSND huyện V và một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Tôn Mỹ O, sửa bản án Hôn nhân gia đình số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 11-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Áp dụng các Điều 213, 235 của Bộ luật dân sự; các Điều 33, 59, và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị Tôn Mỹ O quyền sử dụng thửa đất số 342, tờ bản đồ 33 ở tổ dân phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 175.0 m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 955055 ngày 10/6/2014 cho anh Lê Thanh N và chị Tôn Mỹ O toàn bộ tài sản trên đất. Chị O có trách nhiệm giao lại cho anh N số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) tương đương với một phần trị giá tài sản chung mà anh N được hưởng.

- Về quan hệ hôn nhân, về quan hệ con chung: không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Tôn Mỹ O không phải chịu án phí phúc thẩm được hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai số 0000073 ngày 17/6/2019 tại Chi cục THADS huyện V, tỉnh Hà Tĩnh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện V;
- Chi cục THA.DS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hải